

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÙ CANG CHẢI
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 01 - 2018.
V/v Không công nhận vợ chồng
và tranh chấp nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán Chủ tọa phiên toà: ông Tòng Văn Quân

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. ông Trần Hữu Hưng
2. ông Phạm Đức Thịnh

- Thư ký phiên toà: ông Lý A Hờ - cán bộ Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải tham gia phiên toà: bà Vũ Thị Tình- Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2017/TLST-HNGĐ ngày 23/11/ 2017 về việc: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị **Lý Thị D** (tên gọi khác Lý Thị Gi) sinh năm 1989; trú tại: bản M, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. *Bị đơn:* anh **Giàng A Ch** sinh năm 1987; trú tại: bản M, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái; hiện đang chấp hành án tại: Trại giam Ninh Khánh – Tổng cục V26 – Bộ công an. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. *Người phiên dịch tiếng Mông:* ông Thảo A Dờ- cán bộ Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 11 năm 2017 và biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 11 năm 2017, nguyên đơn là chị Lý Thị D trình bày: chị và anh Giàng A Ch chung sống như vợ chồng từ năm 2006, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, chị D và anh Ch chung sống hạnh phúc đến năm 2011 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, anh Ch có biểu hiện mua bán

trái phép chất ma túy, chị D khuyên can không được mua bán chất ma túy nhưng anh Ch không nghe, nên xảy ra cãi chửi xô sát nhau. Đến năm 2011 anh Ch phạm tội mua bán trái phép chất ma túy và bị Toà án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt 15 năm tù, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Ninh Khánh – Tổng cục V26 – Bộ công an, khi anh Ch phạm tội và đi chấp hành án chị D cho rằng bản thân không còn ai dựa dẫm, mẹ chồng lại không quan tâm, đến năm 2013 chị D đã về ở cùng với bố mẹ đẻ tại bản H, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái. Do đó chị D xác định tình cảm vợ chồng đã không còn và không thể tiếp tục chung sống như vợ chồng với anh Ch được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Giàng A Ch.

Tại bản tự khai khai ngày 26/12/2017 của bị đơn anh Giàng A Ch thừa nhận có chung sống như vợ chồng với chị Lý Thị D từ năm 2006, nhưng không đăng ký kết hôn; trong thời gian chung sống có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do năm 2011 anh Ch phạm tội mua bán trái phép chất ma túy và bị Toà án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt 15 tù về tội mua bán trái phép chất ma túy. Khi anh Ch đi chấp hành án chị D có đến thăm, tuy nhiên chỉ động viên không nói đến việc ly hôn, nay chị D làm đơn xin ly hôn anh Ch, anh Ch xác định tình cảm vẫn còn nên không nhất trí ly hôn. Hiện nay anh Ch đang chấp hành án tại Trại giam Ninh Khánh – Tổng cục V26 – Bộ công an và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Về con chung: chị Lý Thị D và anh Giàng A Ch đều khai thống nhất có 02 con chung là Giàng Thị S, sinh ngày 24/02/2009 và Giàng Thị V sinh ngày 24/7/2011 hiện nay các con đang sống cùng bà nội và học tập tại bản Mỹ Háng Tâu, xã Púng Luông, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Nếu Ly hôn chị D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng Giàng Thị V sinh năm 2009, còn Giàng Thị S để anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng không ai phải cấp dưỡng về việc nuôi con chung. anh Ch đang chấp hành án nên anh Ch đề nghị Toà án giải quyết để chị D trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung khi nào anh Ch chấp hành án xong sẽ đề nghị Toà án giải quyết việc chăm sóc và nuôi dưỡng con sau, nếu chị D không đủ điều kiện nuôi dưỡng thì để hai con cho ông bà nội nuôi dưỡng. Tại biên bản lấy lời khai cháu Giàng Thị S vào ngày 10/01/2018 thì nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Về tài sản chung: Chị Lý Thị D không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/01/2018 thể hiện chị Lý Thị D và anh Giàng A Ch sống chung như vợ chồng từ năm 2006, không có đăng ký kết hôn. Có hai con chung như chị D và anh Ch trình bày.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong việc tham gia tố tụng. Bị đơn đang chấp hành án tại Trại giam Ninh Khánh – Tổng cục V26 – Bộ công an và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận chị Lý Thị D và anh Giàng A Ch là vợ chồng và giải quyết việc nuôi dưỡng con

chung là giao các con chưa thành niên cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi của các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Giàng A Ch hiện đang chấp hành án tại Trại giam Ninh Khánh – Tổng cục V26 – Bộ công an. Do đó anh Giàng A Ch không thể tham gia tố tụng tại Tòa án và đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy vụ án không tiến hành hoà giải theo quy định tại Khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên toà, bị đơn vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Giàng A Ch.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lý Thị D và anh Giàng A Ch đều thừa nhận chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn, nay chị D có yêu cầu ly hôn nhưng anh Ch không nhất trí. Tòa án thấy rằng chị Lý Thị D và anh Giàng A Ch có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, vì vậy quan hệ hôn nhân của chị D và anh Ch là không hợp pháp. Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị D và anh Giàng A Ch.

[3] Về con chung: chị Lý Thị D và anh Giàng A Ch đều khai thống nhất có 02 con chung là Giàng Thị S sinh ngày 24/02/2009 và Giàng Thị V sinh ngày 24/7/2011. Đối với việc nuôi dưỡng con chung thì chị D và anh Ch không thống nhất được với nhau, tuy nhiên do anh Ch hiện đang chấp hành án nên không thể quan tâm, chăm lo, nuôi dưỡng cho các con. Do đó cần giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, nhằm bảo đảm cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của các con. Khi anh Ch chấp hành xong hình phạt tù và yêu cầu Toà án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì Tòa án thụ lý, giải quyết sau. Việc cấp dưỡng nuôi con chị D không yêu cầu nên anh Ch không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con, nhưng đảm bảo cho anh Ch được quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về án phí: các đương sự thuộc diện hộ nghèo; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, nên Tòa án căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật cho các đương sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 15; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1) Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Lý Thị D (tên gọi khác Lý Thị Gi) và anh Giàng A Ch là vợ chồng.

2) Về con chung: Giao cho chị Lý Thị D trực tiếp nuôi dưỡng các con chung Giàng Thị S Sinh ngày 24/02/2009 và Giàng Thị V sinh ngày 24/7/2011; anh Giàng A Ch không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3) Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự.

4) Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện MCC;
- Chi cục THADS huyện MCC;
- UBND xã P; huyện MCC;
- Các đương sự;
- Lưu: HS (2); TA; tiểu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
PHẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tòng Văn Quân